

KẾ HOẠCH

**Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm,
giai đoạn 2026 – 2030, tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 22/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm, giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Hưng Yên, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG KẾ HOẠCH VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO (KH, CN & ĐMST) 05 NĂM (2021-2025)

Giai đoạn này, Khoa học và công nghệ đã được khẳng định vai trò đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phát triển đồng thời 3 trụ cột: khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trình độ nhân lực trong các ngành khoa học dần được nâng cao, số lượng đội ngũ có chuyên môn ở cấp chuyên gia ngày càng tăng; Đầu tư tài chính từ nhà nước, doanh nghiệp và toàn xã hội cho khoa học, công nghệ gia tăng mạnh mẽ, đặc biệt là trong năm 2025, 2026. Hệ thống doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất, kỹ thuật, phòng thí nghiệm chuyên ngành tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động. Hạ tầng nghiên cứu trong một số lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghệ sinh học, vật liệu, tự động hoá, y học...được tăng cường. Tiềm lực khoa học được nâng lên, quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ từng bước được đổi mới. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ được chú trọng hoàn thiện, với gần 40 nghị quyết, quy định, chương trình, kế hoạch, đề án được ban hành. Hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo được tăng cường với việc thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng Đề án thành lập Khu Công nghệ cao của tỉnh, đề án cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII), chỉ số PII của tỉnh Hưng Yên tăng dần qua các năm (Năm 2023, xếp hạng 18/63 tỉnh, thành phố; Năm 2024, vươn lên xếp thứ 14/63 toàn quốc; Năm 2025, tiếp tục bứt phá ngoạn mục, đứng thứ 7 cả nước); các cuộc thi, hội thi về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo được tổ chức thường xuyên hơn, thu hút nhiều đối tượng tham gia hơn. Hợp tác trong nghiên cứu khoa học và công nghệ được đẩy mạnh và chủ động hơn trong một số lĩnh vực, góp phần nâng cao năng lực và trình độ khoa học. Chuyển đổi số của tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Các chỉ tiêu quan trọng về chuyển đổi số đã đạt được như: (1) Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP ước đạt 7,5%; (2) Thương mại điện tử

chiếm khoảng 5,8% tổng doanh thu bán lẻ; (3) Khoảng 36,2% doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nền tảng số; (4) Tỷ lệ sử dụng hợp đồng điện tử khoảng 15%; (5) Tỷ lệ người mua sắm trực tuyến và thanh toán không tiền mặt đều khoảng 50%; (6) 60% giao dịch thương mại điện tử có hóa đơn điện tử.

Tuy vậy, hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên còn có tồn tại, hạn chế như sau: Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức tới phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tuy đã ban hành chương trình, kế hoạch xong việc tổ chức thực hiện còn hình thức, đặc biệt là các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở cấp xã còn hạn chế; Nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo còn thiếu; cơ chế thu hút, đào tạo và bố trí nhân lực chuyên trách chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Một số cơ chế, chính sách phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa được ban hành đầy đủ, kịp thời. Ngân sách chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh đã tiệm cận mức 3% tổng chi ngân sách tỉnh, tuy nhiên việc thâm thấu vào nền kinh tế còn khó khăn và cần nhiều thời gian,...Do vậy, để thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên trong thời gian tới, việc ban hành Kế hoạch là rất cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Văn bản của Trung ương

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

- Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH,CN&ĐMST về tài chính và đầu tư trong KH,CN&ĐMST;

- Các Nghị quyết của Chính phủ: Số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Số 11-NQ/CP ngày 14/01/2026 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030;

- Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể KH,CN&ĐMST 5 năm giai đoạn 2026 - 2030.

2. Văn bản của tỉnh Hưng Yên

- Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 22/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị;

- Nghị quyết 745/2025/NQ-HĐND ngày 10/09/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi;

- Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định về nội dung, mức chi xét tặng Giải thưởng Lê Quý Đôn tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 24/2026/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường; nâng cao năng suất, chất lượng và quản lý truy xuất nguồn sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030;

- Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030;

- Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 30/5/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên triển khai thực hiện Quyết định số 433/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển đổi số các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026 - 2030, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 03/6/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 21/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 08/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030;

- Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 12/6/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về thực hiện Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 22/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế “2 con số”, là nền tảng bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống, đến năm 2030 đưa tỉnh Hưng Yên phát triển nhanh, bền vững, theo hướng công nghiệp, đô thị hiện đại, văn minh; đến năm 2035,

Hung Yên là tỉnh công nghiệp hiện đại, đáp ứng tiêu chí đô thị loại I và đến năm 2045, Hung Yên là thành phố thông minh, sinh thái trực thuộc Trung ương.

Cơ chế, chính sách được hoàn thiện; hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hạ tầng dữ liệu phát triển hiện đại, đồng bộ; nhân lực chất lượng cao được tăng cường trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược. Hệ thống đổi mới sáng tạo được phát triển theo hướng hiện đại, hội nhập; liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân được tăng cường; hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thúc đẩy; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ có năng lực cạnh tranh khu vực. Tập trung vào nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực công nghiệp bán dẫn; công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp xanh, hữu cơ; logistic; năng lượng tái tạo; kinh tế biển.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026-2030 đạt trên 50%.

- Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) trong Top 10 cả nước. Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp đạt trên 30% vào năm 2030.

- Có từ 3% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên tăng dần theo yêu cầu phát triển; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 3% GRDP.

- Tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại đạt từ 8-10%. Mỗi năm có từ 60 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt 12 người trên một vạn dân.

- Có từ 2 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo. Mỗi năm có từ 3 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh. Mỗi năm có từ 50 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo. Có từ 50% kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu. Đến năm 2030, có trên 17 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, mỗi năm có thêm tối thiểu có thêm 02 doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thành lập mới.

(chi tiết các chỉ tiêu theo Phụ lục I ban hành kèm theo Kế hoạch này).

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách

Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn, bảo đảm có hiệu lực thi hành đồng bộ với các luật. Tháo gỡ rào cản, khơi thông hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi, trọng tâm là phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, nâng cao năng lực làm chủ công nghệ lõi và thương mại hóa;

thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; chuyển giao công nghệ nội sinh; tăng cường tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ.

b) Đổi mới cơ chế thực hiện và tái cấu trúc chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tổ chức thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với các bài toán lớn và công nghệ chiến lược. Khuyến khích thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, chuyển sang cơ chế hậu kiểm; xây dựng tiêu chí đánh giá đầu ra và tác động. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với phân bổ ngân sách, xếp hạng tổ chức và trách nhiệm giải trình. Tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực có tác động lan tỏa lớn, đồng thời bảo đảm phát triển cân đối, toàn diện.

c) Phát triển môi trường thử nghiệm, hoàn thiện cơ chế tạo cầu thị trường khoa học và công nghệ

Triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) nhằm tạo hành lang pháp lý an toàn để thử nghiệm công nghệ, sản phẩm và mô hình kinh doanh mới, kinh tế đêm, kinh tế bạc, kinh tế biển, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Sửa đổi, bổ sung cơ chế tài chính, cơ chế mua sắm công đối với sản phẩm công nghệ trong nước; ưu tiên mua sắm công, đặt hàng công và thuê dịch vụ công nghệ đối với các sản phẩm do doanh nghiệp Việt Nam chủ trì thiết kế, phát triển công nghệ và tổ chức sản xuất trong nước (Make in Viet Nam), đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và bảo đảm an ninh.

d) Phát triển hệ thống dữ liệu và chuẩn hóa công tác thống kê, đánh giá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Xây dựng hệ thống quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên nền tảng số thống nhất, kết nối các cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa quản lý theo vòng đời nhiệm vụ, áp dụng mã định danh thống nhất. Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, cho phép doanh nghiệp, xã hội tiếp cận, khai thác; ứng dụng công nghệ số trong giám sát, đánh giá và hỗ trợ phân bổ nguồn lực.

2. Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước

a) Định hướng cơ cấu chi, tiêu chí ưu tiên và nguyên tắc phân bổ

- Phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với cơ cấu chi hợp lý, cân đối giữa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo việc kiểm soát và có thể linh hoạt điều chỉnh theo yêu cầu của thực tiễn phát triển với các định hướng như sau: Ưu tiên phân bổ ngân sách cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực chất lượng cao. Bố trí ngân sách hợp lý cho đổi mới, cải tiến công nghệ, các nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia, cùng tài trợ, tiếp nhận, thương mại hóa kết quả và thực hiện theo cơ chế đối ứng; đồng thời khuyến khích đổi mới quản trị và quy trình, thử nghiệm công nghệ, tăng cường đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp dùng công nghệ mới qua hình thức phiếu hỗ trợ tài chính (voucher).

- Triển khai việc đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các bài toán lớn, gắn với mục tiêu của tỉnh, ngành, lĩnh vực và nhu cầu thực tiễn của từng địa phương; ưu tiên các nhiệm vụ gắn với công nghệ chiến lược; các chương trình, dự án quy mô lớn, có sản phẩm cụ thể, địa chỉ ứng dụng và sự tham gia của doanh nghiệp, viện, trường; giao trực tiếp đối với nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ công nghệ chiến lược; đặt hàng

có doanh nghiệp cùng tài trợ đối với nhiệm vụ ứng dụng. Triển khai tài trợ cạnh tranh đối với nghiên cứu nền tảng.

b) Thực hiện mô hình “ngân sách nhà nước dẫn dắt - xã hội cùng đầu tư”:

- Ngân sách nhà nước tập trung phát triển hạ tầng ứng dụng, các trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ số, khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kết nối vào nền tảng quốc gia.

- Nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư thiết bị, nâng cấp công nghệ, nền tảng ứng dụng, dịch vụ dữ liệu, khai thác vận hành, các khu thử nghiệm và không gian đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện đầu tư theo sản phẩm, cùng đầu tư với doanh nghiệp, gắn với khả năng thương mại hóa. Áp dụng linh hoạt các hình thức tài trợ, cho vay, góp vốn; tăng cường giám sát, đánh giá theo kết quả và tác động thực tiễn.

- Khuyến khích hoạt động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhằm tăng kinh phí chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật; tăng cường cùng đầu tư với khu vực tư nhân nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô thị trường.

- Tăng cường lồng ghép nguồn lực từ đầu tư công, chi thường xuyên, chương trình mục tiêu, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ của doanh nghiệp và nguồn hợp pháp khác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, không chồng chéo, không cấp vốn trùng lặp cho cùng một mục tiêu, tăng tỷ lệ vốn ngoài ngân sách nhà nước trong các nhiệm vụ có khả năng thương mại hóa cao; thúc đẩy các chương trình, nhiệm vụ được tài trợ, đầu tư từ các nguồn khác nhau, cùng chia sẻ rủi ro và chia sẻ lợi ích.

3. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Phát triển hạ tầng nghiên cứu, thử nghiệm và tính toán dùng chung

Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng cho các lĩnh vực công nghệ có nhu cầu cấp thiết và khả năng lan tỏa lớn. Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng nghiên cứu và hạ tầng số, gồm hệ thống phòng thí nghiệm, cơ sở thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm công nghệ đạt chuẩn, khu công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ số, khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kết nối vào nền tảng quốc gia.

b) Phát triển hạ tầng thông tin, dữ liệu, thống kê

- Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hiện đại, số hóa và kết nối. Hình thành mạng lưới hỗ trợ năng suất, chất lượng liên thông trung ương - địa phương; xây dựng hạ tầng số, hệ thống dữ liệu hoàn chỉnh của tỉnh về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm kết nối và chia sẻ. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật trong giám sát, cảnh báo rủi ro, quản lý hậu kiểm; phát triển nền tảng dữ liệu, công cụ, mạng lưới chuyên gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Xây dựng hệ thống thông kê về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hiện đại, tương thích với chuẩn quốc gia, ứng dụng công nghệ số trong thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu thống kê.

- Chú trọng đầu tư, hiện đại hoá hạ tầng khoa học và công nghệ trọng yếu gồm: phòng thí nghiệm, cơ sở thiết kế, chế tạo, vườn ươm.

c) Phát triển hạ tầng đổi mới sáng tạo

- Triển khai các dự án hạ tầng công nghệ phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghiệp công nghệ số và sản phẩm công nghệ số trọng điểm; ưu tiên xây dựng khu, trung tâm có vai trò dẫn dắt. Khuyến khích doanh nghiệp, viện, trường tham gia đầu tư, vận hành theo hướng dùng chung, kết nối, phục vụ hiệu quả nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ.

- Khuyến khích phát triển trung tâm nghiên cứu và phát triển tại các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; cơ sở ươm tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ và không gian đổi mới sáng tạo gắn với lợi thế địa phương, chuỗi giá trị doanh nghiệp. Hình thành và phát triển các cụm liên kết trí tuệ nhân tạo tại khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung và trung tâm đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hợp tác, dùng chung hạ tầng giữa doanh nghiệp, viện, trường. - Ưu tiên nâng cấp hạ tầng đổi mới sáng tạo gắn với sản phẩm chủ lực, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, dược liệu, công nghệ biển, công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch thông minh và dịch vụ giá trị gia tăng.

4. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Thu hút, trọng dụng và sử dụng hiệu quả nhân lực chất lượng cao

Triển khai đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước; tuyển chọn công khai, sử dụng hiệu quả chuyên gia đầu ngành, nhân tài tham gia, chủ trì nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển. Trao quyền chủ động gắn với trách nhiệm giải trình, đãi ngộ tương xứng với kết quả đầu ra, thương mại hóa, tác động thực tiễn.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chiến lược

Tổ chức các chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu dự án trọng điểm, ưu tiên đào tạo chuyên sâu, tiến sĩ, kỹ sư và chuyên gia công nghệ. Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng theo nhóm đối tượng (quản lý, nghiên cứu - triển khai, ứng dụng), phù hợp yêu cầu từng lĩnh vực, ưu tiên công nghệ chiến lược của tỉnh.

c) Tăng cường lưu chuyển tri thức và phát triển kỹ năng đổi mới sáng tạo

Thúc đẩy dịch chuyển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa cấp tỉnh và cấp xã, viện, trường và doanh nghiệp thông qua cơ chế luân chuyển, biệt phái cán bộ; phát triển kỹ năng quản trị công nghệ, dữ liệu và thương mại hóa; áp dụng cơ chế khuyến khích, đãi ngộ và chia sẻ lợi ích gắn với hiệu quả thực hiện và nhu cầu doanh nghiệp. Phát triển năng lực quản trị tài sản trí tuệ, chuỗi giá trị công nghệ, chuẩn hóa, thử nghiệm, chứng nhận, an toàn công nghệ và quản trị rủi ro công nghệ cho đội ngũ thực thi chính sách.

5. Nâng cao năng lực làm chủ và phát triển các công nghệ chiến lược, ưu tiên của tỉnh

a) Hoàn thiện danh mục công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, ưu tiên của tỉnh theo hướng tinh gọn, bám sát nhu cầu phát triển, năng lực cạnh tranh, lợi thế ngành và khả năng hình thành chuỗi giá trị, thị trường.

b) Triển khai các nhiệm vụ, dự án theo chuỗi giá trị. Tập trung nguồn lực để nghiên cứu, phát triển và làm chủ các công nghệ chiến lược theo chuỗi từ nghiên cứu đến thương mại hóa và mở rộng quy mô. Từng bước hình thành năng lực công nghệ nội sinh, phát triển sản phẩm “Make in Viet Nam”, nâng cao nội địa hóa, giảm phụ thuộc nhập khẩu. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp mua thiết kế, sáng chế, phần mềm và công cụ kiểm thử để giải mã, làm chủ và cải tiến công nghệ chiến lược, công nghệ số trọng điểm phù hợp điều kiện của tỉnh.

c) Phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược và doanh nghiệp dẫn dắt

Xây dựng, lựa chọn, triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với bài toán lớn của tỉnh, quốc gia; mỗi sản phẩm công nghệ chiến lược xác định rõ doanh nghiệp dẫn dắt, đối tác nghiên cứu, cơ quan tiếp nhận, cơ chế đặt hàng, tiêu chuẩn và chỉ tiêu nội địa hóa. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thông qua các nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên ngân sách, đầu tư công, các quỹ để đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, tạo thị trường ban đầu; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực sản xuất, quản trị, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng, phát triển sản phẩm “Make in Viet Nam”.

6. Tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Phát triển doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo

- Tăng cường hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, hoạt động đổi mới sáng tạo và văn hóa đổi mới sáng tạo. Triển khai đánh giá, xây dựng bản đồ và lộ trình đổi mới công nghệ cấp địa phương và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh mô hình hợp tác “ba nhà” trong phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt và cùng đầu tư với Nhà nước theo tỷ lệ phù hợp, tùy thuộc vào độ phức tạp của công nghệ; gắn với kế hoạch thương mại hóa, phát triển thị trường và xuất khẩu. Nhà nước hỗ trợ và ưu tiên sử dụng sản phẩm trong mua sắm công khi đáp ứng tiêu chí về sở hữu trí tuệ, nội địa hóa và tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Khuyến khích thành lập và vận hành các quỹ, cơ chế cùng đầu tư và chia sẻ lợi ích giữa viện, trường, doanh nghiệp và nhà đầu tư; thúc đẩy hình thành doanh nghiệp spin-off, spin-out. Gắn nghiên cứu với doanh nghiệp, lấy tỷ lệ thương mại hóa và giá trị thị trường làm thước đo hiệu quả.

b) Thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ

- Hỗ trợ phát triển thị trường giao dịch sở hữu trí tuệ thông qua hoàn thiện công cụ, hướng dẫn khai thác thương mại, đặc biệt với tài sản trí tuệ hình thành từ ngân sách nhà nước; hỗ trợ định giá, nâng cao năng lực quản trị, thương mại hóa tài

sản trí tuệ, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao, công nghệ xanh và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Phát triển tổ chức trung gian chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và đội ngũ môi giới, tư vấn, định giá; thúc đẩy thương mại hóa sáng chế và kết nối thị trường; phát triển sàn giao dịch công nghệ số. Hình thành mạng lưới trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Tạo cầu thị trường cho công nghệ và đổi mới sáng tạo

Triển khai cơ chế đặt hàng gắn với bài toán lớn, cùng tài trợ, đánh giá theo kết quả đầu ra; ưu tiên sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược trong khu vực nhà nước khi đáp ứng tiêu chuẩn. Tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ giải quyết các bài toán phát triển; thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp, viện, trường, các chủ thể liên quan, nâng cao năng lực đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp. Hình thành trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo.

7. Định hướng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực

7.1. Định hướng các nhiệm vụ phát triển lĩnh vực công nghiệp, xây dựng

a) Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; công nghệ tự động hóa, công nghệ tiết kiệm năng lượng; công nghệ số tiên tiến trên nền tảng hạ tầng viễn thông thế hệ mới (5G/6G), tập trung vào các lĩnh vực: công nghiệp số, nhà máy thông minh, logistics thông minh, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, hệ thống cảm biến và camera thông minh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sản xuất và vận hành trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất phục vụ phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng bền vững tại Hưng Yên.

- Khuyến khích nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ và đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp ưu tiên của tỉnh; tập trung phát triển các công nghệ tự động hóa, robot công nghiệp, hệ thống nhúng, thiết bị điện tử thông minh, công nghệ Blockchain, truy xuất nguồn gốc và quản trị chuỗi cung ứng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước và xuất khẩu.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế tầm thấp tại Hưng Yên; ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu số trong quản lý không gian tầm thấp, logistics thông minh, giao thông, giám sát hạ tầng, nông nghiệp công nghệ cao và đô thị thông minh nhằm nâng cao hiệu quả khai thác không gian, thúc đẩy kinh tế số và phát triển bền vững giai đoạn 2026-2030.

b) Ngành xây dựng

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, thiết bị thông minh, các dây chuyền, máy móc hiện đại, tự động hóa để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo tiết

kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng; công nghệ kỹ thuật số trong thiết kế, giám sát và thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh, nhằm rút ngắn tiến độ, nâng cao chất lượng công trình, tiết kiệm chi phí xây dựng, linh hoạt trong các điều kiện khác nhau như thiên tai, dịch bệnh, khan hiếm lao động.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các vật liệu mới, vật liệu xanh, vật liệu thân thiện môi trường và công nghệ tiết kiệm năng lượng phục vụ xây dựng hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, giao thông và công trình dân dụng; ưu tiên các công nghệ tái chế vật liệu, giảm phát thải carbon và sử dụng hiệu quả tài nguyên nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh và xây dựng bền vững tại Hưng Yên.

- Đẩy mạnh nghiên cứu liên ngành giữa khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ và khoa học quản lý nhằm xây dựng cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch không gian phát triển, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển công nghiệp - đô thị - nông nghiệp, thích ứng biến đổi khí hậu và nâng cao khả năng chống chịu của tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển bền vững.

7.2. Định hướng các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và môi trường

- Tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu trong chuỗi sản xuất, công nghệ sản xuất an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và công nghệ sau thu hoạch; đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản gắn với áp dụng quy trình tiên tiến và bảo vệ môi trường. Ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu về sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn theo hướng hữu cơ; phát triển kinh tế biển, khai thác nguồn lợi thủy sản, gắn kết phát triển nông nghiệp với phát triển du lịch (sinh thái) trong chuỗi du lịch của tỉnh và vùng.

- Bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen các cây trồng, vật nuôi đặc sản của tỉnh, gắn với phát triển du lịch nông nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm, phục tráng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu bổ sung vào cơ cấu giống. Ưu tiên các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu như lúa gạo, thủy sản, thực phẩm chế biến và sản phẩm làng nghề gắn với truy xuất nguồn gốc, bảo hộ sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý, thương mại điện tử và nâng cao giá trị thương hiệu địa phương.

- Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới (giống, phân bón, quy trình thâm canh tổng hợp tiên tiến, kiểm soát dịch bệnh, bảo quản, chế biến nông sản,...), công nghệ số vào sản xuất; thực hiện chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại; phát triển mô hình nông nghiệp thông minh, mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng nền nông nghiệp thông minh, có định hướng nhu cầu sử dụng sản phẩm; nông nghiệp thuận thiên, phù hợp với điều kiện tự nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tiên tiến phục vụ hoạt động quan trắc, thu thập, xử lý, chuẩn hóa hệ thống thông tin về tài nguyên và môi trường, nhất là lĩnh vực đất đai, dữ liệu tài nguyên và môi trường; ngăn chặn và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; xử lý rác thải, phụ phẩm trong nông nghiệp, ô nhiễm môi trường trong khu dân cư...

7.3. Định hướng các nhiệm vụ phát triển ngành y, dược và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong hoạt động khám, chữa bệnh; sản xuất thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguồn dược liệu địa phương kết hợp y học cổ truyền; tập trung ưu tiên hình thành một số chuyên khoa ứng dụng công nghệ cao trong khám chữa bệnh ở một số bệnh viện tuyến tỉnh. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền nhằm nâng cao khả năng khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân và phục vụ cho khách đi du lịch kết hợp chữa bệnh, nghỉ dưỡng tại tỉnh Hưng Yên.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý ngành y tế; tăng cường hoạt động chuyển đổi số trong ngành y tế như: y tế từ xa, hồ sơ sức khỏe điện tử dùng chung, hồ sơ bệnh án điện tử,....

- Đẩy mạnh phát triển vùng dược liệu chất lượng cao tại tỉnh Hưng Yên đạt tiêu chuẩn GACP - WHO và theo hướng sản xuất hữu cơ, công nghệ xanh tiên tiến.

- Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ y tế, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ tham gia nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong ngành y tế đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong tỉnh.

7.4. Định hướng các nhiệm vụ phát triển khoa học xã hội và nhân văn

Tập trung nghiên cứu những vấn đề kinh tế - xã hội, tổng kết thực tiễn, phát hiện những tiềm năng, nguồn nhân lực và mô hình mới trong thực tiễn để tham mưu, tư vấn, cung cấp luận cứ khoa học, những vấn đề thực tiễn đặt ra, dự báo tình hình và xu hướng phát triển, làm cơ sở cho việc xây dựng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, hoạch định các chủ trương, chính sách để lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị của tỉnh trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

- Nghiên cứu, đề xuất các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, quản lý đô thị, phát triển bền vững; quốc phòng, an ninh của tỉnh.

- Đẩy mạnh nghiên cứu các vấn đề xã hội phục vụ phát triển bền vững như an sinh xã hội, già hóa dân số, lao động - việc làm, di cư, chênh lệch phát triển, chất lượng sống và đồng thuận xã hội trong bối cảnh đô thị hóa, công nghiệp hóa và chuyển đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh Hưng Yên.

7.5. Định hướng các nhiệm vụ phát triển ngành giáo dục - đào tạo

- Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu KH&CN trong đổi mới, cải tiến phương pháp, hình thức, công cụ hỗ trợ đào tạo; đề xuất, nâng cao hiệu quả, đổi mới chất lượng giáo dục và đào tạo; thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực KH&CN là các nhà khoa học, nhà công nghệ, các chuyên gia đầu ngành, nhà lãnh đạo, quản lý;... triển khai thí điểm các chương trình đào tạo tiên tiến, mô hình liên kết đào tạo; dịch vụ giáo dục và đào tạo.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thông qua nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các nền tảng giáo dục số, học liệu số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường

(VR/AR) và hệ thống quản trị giáo dục thông minh nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, đổi mới phương pháp giáo dục.

7.6. Định hướng các nhiệm vụ phát triển văn hóa, thể thao và du lịch

- Tăng cường triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ việc phát triển ngành du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể; dịch vụ phục vụ du lịch tại tỉnh; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến du lịch, các chương trình phát triển du lịch gắn với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP. Ứng dụng Công nghệ thực tế ảo (VR/AR) và AI để số hóa không chỉ các di tích lịch sử mà còn cả các tài nguyên du lịch biển.

- Phát triển các giá trị cảnh quan thiên nhiên, vùng sinh thái và điều kiện tự nhiên đặc thù của tỉnh (nước khoáng thiên nhiên,...; di tích lịch sử văn hóa; sinh thái; phát triển du lịch sinh thái rừng ngập mặn, du lịch biển, làng nghề,...); tổ chức khai thác phục vụ các hoạt động du lịch trong việc hài hòa giữa phát triển kinh tế và giảm thiểu xung đột vấn đề phát triển du lịch với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh các hoạt động thể thao thành tích cao, ứng dụng khoa học, công nghệ trong đào tạo, huấn luyện, thi đấu để nâng cao thành tích của các vận động viên.

7.7. Định hướng các nhiệm vụ phát triển lĩnh vực an ninh, quốc phòng

- Đẩy mạnh ứng dụng KH&CN trong xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh; giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề về an ninh, trật tự an toàn xã hội; phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm truyền thống và phi truyền thống, đặc biệt tội phạm công nghệ cao, trên không gian mạng; đảm bảo an toàn giao thông, an ninh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai; giải pháp tăng cường an ninh mạng các vấn đề về an ninh phi truyền thống.

7.8. Định hướng các nhiệm vụ phát triển ngành khoa học và công nghệ

a) Về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tập trung vào các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, ưu tiên của tỉnh. Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ. Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn phục vụ hiệu quả công tác quản lý.

b) Về quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân

Tham mưu thẩm định tiếp nhận, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển. Đảm bảo các cơ sở tiến hành công việc bức xạ được cấp phép; đảm bảo an toàn và an ninh nguồn phóng xạ, không để xảy ra sự cố bức xạ hạt nhân; nâng cao năng lực ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân theo quy định. Hỗ trợ xây dựng và triển khai hệ thống quản lý sở hữu công nghiệp (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận,...) Xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

c) Về quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Hỗ trợ các doanh nghiệp về tiêu chuẩn, đo lường, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, đổi mới hoạt động đo lường trong doanh nghiệp.

Thực hiện kế hoạch triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

d) Về thông tin, thống kê, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ

- Phát triển thông tin, thống kê khoa học và công nghệ đủ mạnh, phục vụ có hiệu quả nhu cầu của tỉnh, hoạt động xúc tiến và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hướng trọng tâm là dịch vụ thông tin công nghệ phục vụ các doanh nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo; phát triển, kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong khu vực và cả nước. Nâng cấp, phát triển Sàn giao dịch công nghệ của tỉnh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao, đổi mới công nghệ cho địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân góp phần nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu, phát triển bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

đ) Nghiên cứu, làm chủ và chế tạo các thiết bị phần cứng tích hợp AIoT và Edge AI

- Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo các thiết bị nhúng tích hợp AI tại biên (Edge AI) để xử lý dữ liệu tức thời, giảm độ trễ và băng thông truyền tải.

- Ưu tiên triển khai các hệ thống giám sát sinh trưởng tự động cho nông nghiệp thông minh

e) Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian (GIS) và Big Data: Số hóa toàn bộ tài nguyên đất, nước và môi trường công nghiệp, phục vụ quản lý đa ngành.

g) Thúc đẩy tự động hóa thông minh và Robot hóa trong các quy trình sản xuất, chế biến:

- Nghiên cứu ứng dụng các cánh tay Robot và hệ thống điều khiển thông minh trong các dây chuyền phân loại, đóng gói nông sản và sản xuất công nghiệp phụ trợ.

- Khuyến khích các nhiệm vụ KH&CN về tích hợp hệ thống tự động hóa với các nền tảng quản trị số để tối ưu hóa quy trình vận hành, giảm chi phí năng lượng và nguyên vật liệu.

h) Chuyển đổi số hoạt động đo lường, thử nghiệm và giám định công nghệ:

- Ứng dụng công nghệ bản sao số (Digital Twin) trong việc mô phỏng và thử nghiệm các quy trình công nghệ mới trước khi chuyển giao thực tế.

- Xây dựng hệ thống giám sát trực tuyến về an toàn bức xạ và biến động môi trường tại các khu công nghiệp tập trung, đảm bảo dữ liệu được cập nhật và xử lý theo thời gian thực (Real-time).

i) Xây dựng hệ sinh thái dữ liệu mở và kinh tế số KH&CN: Tạo nền tảng để các doanh nghiệp công nghệ và khởi nghiệp có thể khai thác dữ liệu, phát triển ứng dụng mới.

(Chi tiết các nhiệm vụ theo Phụ lục II, III, IV ban hành kèm theo Kế hoạch này).

8. Hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo. Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các doanh nghiệp, trường đại học, cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng đội ngũ chuyên gia. Kết hợp phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh với sự hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức trong và ngoài nước.

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

b) Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế, gắn hợp tác về khoa học và công nghệ với hợp tác kinh tế; hỗ trợ mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của tỉnh. Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao. Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Ký kết các thỏa thuận hợp tác.

- Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược từ nước ngoài vào địa phương. Khuyến khích các doanh nghiệp của địa phương hợp tác với các đối tác nước ngoài. Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác.

c) Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chuyển giao công nghệ; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu, tham gia vào các Hiệp định EVFTA, FTA thế hệ mới, RCEP,...; đào tạo nguồn nhân lực.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, tổ chức triển khai Kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch của các sở, ngành, địa phương; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện.

b) Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, công cụ quản lý để triển khai Kế hoạch.

c) Chủ trì tổng hợp nhu cầu của các sở, ngành, địa phương; đề xuất cơ cấu và nguyên tắc phân bổ nguồn lực phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng, quy định của pháp luật cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phối hợp huy động nguồn lực xã hội, thúc đẩy cơ chế cùng đầu tư giữa Nhà nước và doanh nghiệp; theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng gắn với kết quả và tác động thực tiễn.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

đ) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai Kế hoạch này theo quy định.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách cấp tỉnh quản lý, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Các sở, ngành, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh

Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch tuyên truyền, quán triệt, phổ biến nội dung Kế hoạch và tổ chức triển khai phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của ngành, địa phương theo phương châm 6 rõ “Rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả và rõ thẩm quyền”. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện. Đối với các nhiệm vụ đã giao trong các chương trình/kế hoạch khác có sự trùng lặp với Kế hoạch này đang triển khai thì tiếp tục thực hiện, nếu chưa thực thì thực hiện theo Kế hoạch này.

Định kỳ trước ngày 10 tháng cuối quý hoặc đột xuất, gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc tỉnh

Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ để triển khai thực hiện; đề nghị Mặt trận Tổ quốc tỉnh phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tổ chức thực hiện, vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng và tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

Đề nghị cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, phát sinh, vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- CV: KGVX^{Ph.G};
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Hòa

